

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRẢNG BÀNG  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/DS-ST  
Ngày 07-7-2017.  
V/v tranh chấp hợp đồng  
dân sự vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cẩm.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Văn Khang;

Ông Nguyễn Xuân Lãm.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trường Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 371/2016/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2016 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2017/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017; giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị Thu T, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã BD, huyện GD, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

*Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1938; địa chỉ cư trú: Ô 1, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980;

Anh Huỳnh Văn C, sinh năm 1979;

Cùng địa chỉ cư trú: Ô1, ấp BH, xã BT, huyện TB, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Ông Ngô Thiết T, sinh năm 1965; địa chỉ cư trú: Ấp B, xã AT, huyện BC, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 06-12-2016, đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 16-6-2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Huỳnh Thị Thu T trình bày:*

Vào ngày 28-3-2016, qua sự giới thiệu của ông T (bạn của chị), chị có cho chị N vay số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận thời gian trả nợ 06 tháng. Do chị N không có tài sản bảo đảm để vay tiền nên chị có ký “Hợp đồng vay tiền có thể chấp quyền sử dụng đất” với bà H (mẹ chồng chị N) và được công chứng tại Văn phòng công chứng BC. Khi cho vay tiền, chị có nhận thể chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà H đứng tên. Hai bên thỏa thuận lãi suất 06%/tháng, có lập thành “Văn bản cam kết (v/v vay tiền)”, bà H có ký tên vào và có ông Trần Văn H là người làm chứng. Hai bên đã giao nhận tiền xong và có ký tên vào “Giấy biên nhận vay tiền có thể chấp quyền sử dụng đất”. Từ ngày vay đến nay, chị N có trả cho chị được 01 tháng tiền lãi, số tiền 18.000.000 đồng, ngoài ra, chị không có nhận từ chị N số tiền nào khác. Hiện nay chị có giữ một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 494629 do bà H đứng tên.

Khi chị N vay tiền, ông T bảo lãnh nếu chị N không trả lãi cho chị thì ông T có trách nhiệm trả tiền lãi cho chị với lãi suất 1,1%/tháng. Do đó, ông T có trả lãi cho chị được 13 tháng, mỗi tháng số tiền 3.300.000 đồng.

Nay chị yêu cầu bà H cùng chị N và anh C trả cho chị số tiền 300.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

*Tại biên bản lời khai ngày 24-3-2017, bị đơn bà Huỳnh Thị H trình bày:*

Bà xác nhận có ký hợp đồng vay số tiền 300.000.000 đồng của chị T nhưng không phải bà vay mà do chị N (con dâu của bà) vay. Nay bà không đồng ý trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*Chị Nguyễn Hồng N trình bày:*

Chị thừa nhận vợ chồng chị có vay của chị T số tiền 300.000.000 đồng như lời chị T khai. Vợ chồng chị vay tiền của chị T để làm vốn làm ăn. Do vợ chồng chị không có tài sản bảo đảm nên có nhờ mẹ chồng chị là bà H đứng ra ký tên vào hợp đồng vay tiền và thể chấp Giấy chứng nhận QSDĐ do mẹ chồng chị đứng tên để bảo đảm khoản vay của chị T. Từ ngày vay tiền, chị có trả lãi suất đầy đủ cho chị T, chị trả lãi được 06 tháng, mỗi tháng 18.000.000 đồng, chị đưa tiền lãi cho ông Ngô Thiết T (người giới thiệu chị vay tiền của chị T). Nay chị đồng ý cùng chồng trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng. Ngoài ra không có yêu cầu khác.

*Anh Huỳnh Văn C trình bày:*

Anh là chồng của chị N. Anh thừa nhận lời trình bày của chị N là đúng. Anh đồng ý cùng chị N trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng nhưng yêu cầu

được trả dần. Tại phiên tòa, anh đồng ý cùng chị N trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng không yêu cầu được trả dần.

*Ông Ngô Thiết T trình bày:*

Ông có nhận của chị N số tiền 108.000.000 đồng. Do chị N còn nợ ông số tiền 300.000.000 đồng nên ông đã giữ lại số tiền trên và chỉ trả chị T số tiền lãi 18.000.000 đồng. Sau đó, ông đã trả thêm cho chị T số tiền 3.300.000 đồng/tháng trong vòng 13 tháng, tổng cộng là 42.900.000 đồng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:*

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 298, 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T. Buộc bà H, chị N, anh C cùng liên đới trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng và khấu trừ phần lãi suất vượt quá quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bị đơn bà H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt của bà H là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị T yêu cầu bà H cùng vợ chồng chị N, anh C trả số tiền 300.000.000 đồng nhưng bà H không đồng ý trả vì cho rằng bà không nợ tiền chị T. Xét hợp đồng vay tiền có thể chấp quyền sử dụng đất ngày 28-3-2016, bà H xác nhận có lặn tay vào hợp đồng và bà hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Mặt khác, hợp đồng này đã được công chứng tại Văn phòng công chứng BC. Hơn nữa, qua xác minh người làm chứng xác nhận bà H đã được đọc nghe nội dung hợp đồng trước khi lặn tay. Do đó, việc chị T yêu cầu bà H trả số nợ 300.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Đối với số tiền 300.000.000 đồng, chị N và anh C thừa nhận có vay. Chị N sử dụng để làm vốn làm ăn và lo chi phí gia đình nhưng làm ăn thua lỗ dẫn đến không có tiền trả cho chị T. Nay chị T yêu cầu bà H cùng vợ chồng chị N, anh C có nghĩa vụ trả nợ. Thấy rằng, chị N, anh C và bà H ở chung nhà. Chị N vay tiền để lo cho gia đình nên không biết cụ thể mỗi người sử dụng bao nhiêu tiền. Do đó, căn cứ vào các Điều 298, 471, 474 của Bộ luật Dân sự, buộc

bà H, chị N và anh C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị T số tiền 300.000.000 đồng.

[4] Đối với hợp đồng vay tiền có thể chấp quyền sử dụng ngày 28-3-2016, được công chứng tại Văn phòng công chứng BC. Nhưng chị T thừa nhận sau khi công chứng, chị không làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2005;

*Căn cứ vào Điều 10 Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm quy định giao dịch bảo đảm được giao kết hợp pháp có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết, trừ các trường hợp sau đây:*

*a) Các bên có thoả thuận khác;*

*b) Cầm cố tài sản có hiệu lực kể từ thời điểm chuyển giao tài sản cho bên nhận cầm cố;*

*c) Việc thế chấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng rừng, quyền sở hữu rừng sản xuất là rừng trồng, tàu bay, tàu biển có hiệu lực kể từ thời điểm đăng ký thế chấp;*

Do đó, giao dịch bảo đảm quyền sử dụng đất không có hiệu lực, chị T có nghĩa vụ trả lại bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000829 ngày 24-11-2006 do bà H đứng tên.

Ghi nhận chị N không yêu cầu ông T trả số tiền 108.000.000 đồng trong vụ án này.

[5] Xét đề nghị đại diện Viện kiểm sát có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Tuy nhiên, đối với đề nghị yêu cầu khấu trừ số tiền lãi suất mà chị N trả vượt quá quy định pháp luật; Hội đồng xét xử không xét vì chị N không yêu cầu và số tiền lãi suất 18.000.000 đồng so với số tiền lãi mà chị N có nghĩa vụ trả cho chị T không vượt quá mức lãi suất theo quy định pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà H, chị N, anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 300.000.000 đồng x 5% = 15.000.000 đồng.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 298, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh Án phí, Lệ phí Tòa án năm 2009;

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thu T tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Thị H, chị Nguyễn Hồng N, anh Huỳnh Văn C.

Buộc bà Huỳnh Thị H, chị Nguyễn Hồng N, anh Huỳnh Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Huỳnh Thị Thu T số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị T có nghĩa vụ trả lại bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 000829 ngày 24-11-2006 do bà H đứng tên.

Ghi nhận chị N không yêu cầu ông T trả số tiền 108.000.000 đồng.

### 3. Án phí:

Bà Huỳnh Thị H, chị Nguyễn Hồng N, anh Huỳnh Văn C phải chịu chung 15.000.000 (mười lăm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Thu T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T số tiền 8.940.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008348 ngày 26/12/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng.

4. Đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

### Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Cẩm**